

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 01/BINH DUYEN/2019

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: Cơ sở sản xuất kinh doanh nước uống đóng bình, đóng chai Bình Duyên

Địa chỉ: Thôn Vĩnh Lộc, xã Tân Tiến, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên

Điện thoại: 0985913666

Mã số doanh nghiệp: 05E8001213 đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 27/9/2016, nơi cấp Ủy ban nhân dân huyện Văn Giang

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 61/2019/ATTP-CNĐK ngày cấp: 3/9/2019, Nơi cấp: Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm Hưng Yên.

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: Nước uống đóng bình, đóng chai Bình Duyên
2. Thành phần: Nguồn nước máy được xử lý qua hệ thống lọc.
3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.
4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì: sản phẩm được đóng trong bình nhựa đạt QCVN 12-1:2011/BYT về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm. Thể tích: 5 lít, 7,5 lít, 10 lít, 18,9 lít, 19 lít, 19,5 lít, 19,8 lít.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm: Cơ sở sản xuất kinh doanh nước uống đóng bình, đóng chai Bình Duyên

Địa chỉ: Thôn Vĩnh Lộc, xã Tân Tiến, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên

Điện thoại: 0985913666

II. Mẫu nhãn sản phẩm: (đính kèm nội dung mẫu nhãn sản phẩm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:


- Luật An toàn thực phẩm.
- Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn Thực Phẩm.
- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 6-1:2010/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nước uống đóng chai và nước khoáng thiên nhiên.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Hưng Yên, ngày 07 tháng 9 năm 2019

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



Hoàng Trọng Bình

NỘI DUNG DỰ THẢO MẪU NHÃN SẢN PHẨM

Nước uống đóng bình, đóng chai Bình Duyên

- Thành phần: Nguồn nước máy được xử lý qua hệ thống lọc.

- Ngày sản xuất:

- Hạn sử dụng:

- Tên tổ chức, cá nhân: Cơ sở sản xuất kinh doanh nước uống đóng bình, đóng chai Bình Duyên

Địa chỉ: Thôn Vĩnh Lộc, xã Tân Tiến, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên

Điện thoại: 0985913666

- Thể tích:



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



- Tên mẫu thử: Mẫu nước uống đóng bình, chai Bình Duyên
- Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : Cơ sở sản xuất kinh doanh nước uống đóng bình, đóng chai Bình Duyên
 Chủ cơ sở: Ông Hoàng Trọng Bình
- Địa chỉ: thôn Vĩnh Lộc, xã Tân Tiến, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên
- Tình trạng mẫu: Mẫu đựng trong 02 chai PE x 1,5 lít
- Ngày nhận mẫu: 02/04/2019
- Thời gian thử nghiệm: 02/04/2019 - 10/04/2019

STT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử	QCVN 06-1:2010/BYT
1.	<i>Antimony</i>	mg/l	0,018	SMEWW 3125:2005	0,02
2.	<i>Arsen</i>	mg/l	0,002		0,01
3.	<i>Bari</i>	mg/l	0,058		0,7
4.	<i>Bor</i>	mg/l	0,18		0,5
5.	<i>Bromat</i>	mg/l	0,006	EPA 300:1996	0,01
6.	<i>Cadmi</i>	mg/l	0,0002	SMEWW 3125:2005	0,003
7.	<i>Clor</i>	mg/l	2,26	SMEWW 4500 CL B:2005	5
8.	<i>Clorat</i>	mg/l	0,33	EPA 300:1996	0,7
9.	<i>Clorit</i>	mg/l	0,18	EPA 300:1996	0,7
10.	<i>Crom</i>	mg/l	0,014	SMEWW 3125:2005	0,05
11.	<i>Đồng</i>	mg/l	0,003		2
12.	<i>Cyanid</i>	mg/l	0,002	TCVN 6181:-1996	0,07
13.	<i>Fluorid</i>	mg/l	0,18	SMEWW 4500 F-D:2005	1,5
14.	<i>Chì</i>	mg/l	0,002	SMEWW 3125:2005	0,01
15.	<i>Mangan</i>	mg/l	0,007		0,4
16.	<i>Thiếc ngán</i>	mg/l	0,0002		0,006
17.	<i>Molybden</i>	mg/l	0,025		0,07
18.	<i>Nickel</i>	mg/l	0,006		0,07
19.	<i>Selen</i>	mg/l	0,005		0,01

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa vào

2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Phòng PTTNTHDL

3. Các chỉ tiêu thí nghiệm chưa được công nhận Vilas

4. Các chỉ tiêu đánh dấu * được thực hiện tại nhà thầu phụ

5. Mẫu sẽ được hủy trong vòng 7 ngày (mẫu nước) và 20 ngày (mẫu khác) kể từ ngày trả kết quả nếu PPT không nhận được sự phản hồi nào của KH



20.	Nitrat	mg/l	0,019	TCVN 6180-1996	50
21.	Nitrit	mg/l	0,007	SMEWW 4500NO ₂ -B-2005	3
<i>Mức nhiễm xạ:</i>					
22.	- Hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,0059	TCVN 6053:1995	0,5
	- Hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	0,096	TCVN 6219:1995	1,0
23.	Tổng Coliforms	CFU/250ml	0	TCVN 6187-2:1996	0
24.	E.coli hoặc Coliforms chịu nhiệt	CFU/250ml	0	TCVN 6187-2:1996	0
25.	Streptococci faecal	CFU/250ml	0	APHA20 th ed.1998 (9230B)	0
26.	Pseudomonas Areruginosa	CFU/250ml	0	TCVN 4584:1988	0
27.	Bào tử vi khuẩn kỵ khí khử Sunphit	CFU/50ml	0	TCVN 6191-2:1996	0

Ghi chú: Giới hạn tối đa cho phép áp dụng theo QCVN 06-1:2010/BYT đối với mức uống đóng chai do Ban soạn thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh an toàn thực phẩm đối với đồ uống biên soạn, Cục an toàn vệ sinh thực phẩm trình duyệt và được ban hành theo thông tư số 34/2010/TT-BYT ngày 02/06/2010 của Bộ trưởng Bộ y tế.

Kết luận: Mẫu nước trên đạt QCVN 06-1:2010/BYT về độ tinh khiết và an toàn vệ sinh thực phẩm.



Nguyễn Quang Thành

Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2019
 PHÒNG PHÂN TÍCH
 THÍ NGHIỆM TỔNG HỢP ĐỊA LÝ

TS. Dương Thị Lịm

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
 Số chứng thực... 1453... Quyển số... 01... SCT/BS

Ngày: 01-08-2019



PHÓ CHỦ TỊCH
 Nguyễn Văn Trường

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
 2. Không thực trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Phòng PTNT/HDL.
 3. Các chỉ tiêu in nghiêng chưa được công nhận Vilas.
 4. Các chỉ tiêu đánh dấu * được thực hiện hơn nữa mẫu phụ.
 5. Mẫu số được lưu trữ trong máy 7 ngày (tính từ ngày lấy mẫu) và 30 ngày (tính từ ngày kết quả phân tích).

